

**PHẬT THUYẾT VÔ UÝ THỌ  
SỞ VẤN ĐẠI THỪA KINH  
Quyển Thượng**

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 331*

**Hán dịch: Thần Thích Hộ  
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiến  
Việt dịch: Thích Nữ Diệu Thuận (01-2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

**【經文資訊】** 大正新脩大藏經 第十二冊 No. 331 《佛說無畏授所問大乘經》

**【Kinh văn tu bản】** Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 331 《Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh》

**【Kinh văn tu bản】** Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 331 《Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh》

**【版本記錄】** CBETA 電子佛典 V1.8 (UTF 8) 普及版, 完成日期 : 2004/10/12

**【bản bản kí lục】** CBETA điện tử Phật Điển V1.8 (UTF 8) phổ cập bản , hoàn thành nhật kỳ : 2004/10/12

**【bản gốc kí lục】** CBETA điện tử Phật Điển V1.8 (UTF 8) khắp cùng bản , hoàn thành ngày : 2004/10/12

**【編輯說明】** 本資料庫由中華電子佛典協會 ( CBETA ) 依大正新脩大藏經所編輯

**【biên tập thuyết minh】** bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội ( CBETA ) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

**【biên tập thuyết minh】** gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội ( CBETA ) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

**【原始資料】** 蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

**【nguyên thủy tu liệu】** Tiêu Trần Quốc Đại Đức đề cung , Duy Tập An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn , Bắc Mỹ Mỗ Đại Đức đề cung

**【nguyên thủy tu liệu】** Tiêu Trần Quốc Đại Đức đề cung , Duy Tập An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn , Bắc Mỹ Mỗ Đại Đức đề cung

**【其它事項】** 本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱 **【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】**  
(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

**【kỳ tha sự hạng】** bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông , tương tế nội dung thỉnh tham duyệt **【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】** (<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

**【kỳ tha sự hạng】** gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông , rõ ràng nội dung thỉnh tham duyệt **【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】** (<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 佛說無畏授所問大乘經  
# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh  
# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh

# CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF 8) Normalized Version, Release Date: 2004/10/12

# CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF 8) Normalized Version, Release Date: 2004/10/12

# CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF 8) Normalized Version, Release Date: 2004/10/12

# Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

# Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

# Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

# Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA

# Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA

# Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA

# Distributed free of charge. For details please read at [http://www.cbeta.org/result/cbintr\\_e.htm](http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm)

# Distributed free of charge. For details please read at [http://www.cbeta.org/result/cbintr\\_e.htm](http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm)

# Distributed free of charge. For details please read at [http://www.cbeta.org/result/cbintr\\_e.htm](http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm)

=====  
=====  
=====

*Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính*  
*No. 331 [Nos. 310(28), 330]*

佛說無畏授所問大乘經卷上

Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển thượng  
Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Vô Úy Thọ Sở Vấn-Quyển Thượng

西天譯經三藏朝奉大夫

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu phụng Đại phu  
Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triêu Phụng Đại Phu

試光祿卿傳法大師賜紫

thí quang lộc khanh truyện Pháp Đại sư tứ tử  
Thí Quang Lộc Khanh Truyền Pháp Đại Sư Tứ Tử

沙門臣施護等奉 詔譯

Sa Môn Thân Thí Hộ đẳng phụng chiếu dịch  
Sa môn Thân Thí Hộ phụng chiếu dịch.

如是我聞。一時世尊。

như thị ngã văn. nhất thời Thê Tôn.  
Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, đức Phật

在舍衛國祇樹給孤獨園。與大苾芻眾千二百五十人俱。

tại Xá-vệ quốc Kì Thọ Cấp cô độc viên. dữ Đại bát sô chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

ở tại nước Xá-vệ trong vườn cây Kỳ-thọ và Cấp-cô-độc, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đều có mặt.

皆是阿羅漢。諸漏已盡無復煩惱。心善解脫慧善解脫。

giai thị A-la-hán. chư lậu dĩ tận vô phục phiền não. tâm thiện giải thoát tuệ thiện giải thoát.

Các vị ấy đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm giải thoát, tuệ giải thoát

如大龍王所作已辦。棄諸重擔隨得已利。

như Đại long Vương sở tác dĩ biện. khí chư trọng đưam tùy đắc kỳ lợi.

như Đại long vương, chỗ làm đã xong, bỏ các gánh nặng (ngũ uẩn), tùy ý mà được lợi lạc,

盡諸有結。正智解脫。諸心寂靜皆到彼岸。

tận chư hữu kết. chánh trí giải thoát. chư tâm tịch tĩnh giai đáo bỉ ngạn.

không còn các kiết sử, chánh trí giải thoát, tâm ý vắng lặng, đều đã giải thoát.

唯一補特伽羅。所謂阿難。

duy nhất bổ đặc đà la. sở vị A-nan.

Chỉ có người chưa giải thoát, đó là A-nan.

復有五百大菩薩眾。

phục hữu ngũ bách Đại Bồ-tát chúng.

Lại có năm trăm vị Bồ-tát,

悉得一切陀羅尼門及三摩地門。皆是一生補處。

tất đắc nhất thiết Đà La Ni môn cập Tam Ma Địa môn. giai thị Nhất sanh bổ xứ.

đều đắc tất cả pháp môn Đà-la-ni và Tam-ma-địa, đều ở địa vị Nhất sanh bổ xứ.

時舍衛城有一長者。名無畏授。大富自在有大財寶。

thời Xá-vệ thành hữu nhất Trưởng Giả. danh vô úy thụ. Đại phú tự tại hữu Đại tài bảo.

Bây giờ trong nước Xá-vệ có một vị trưởng giả tên là Vô Úy Thọ, giàu sang tự tại, có nhiều châu báu,

積諸受用庫藏充滿。金銀琉璃真珠珊瑚螺貝寶等。

tích chư thọ dụng khố tạng sung mãn. kim ngân lưu ly chân châu san hô loa bồi bảo đẳng.

các vật thọ dụng đều đầy đủ, như vàng bạc lưu-ly, xa-cừ, mã-nã

皆悉具足。廣有車乘象馬牛羊。

giai tất cụ túc. quảng hữu xa thừa tượng mã ngưu dương.

đều có rất nhiều, lại có xe cộ voi ngựa trâu dê,

復多眷屬奴婢僕從執事人等及諸朋友。一时无畏授。

phục đa quyến chúc nô tì bộc tòng chấp sự nhân đẳng cập chư bằng hữu. nhất thời vô úy thụ.

đông đảo quyến thuộc tôi tớ, người làm việc cùng bè bạn. Một hôm Vô Úy Thọ

與五百長者。而共集會潛相謂言。諸仁者。

dữ ngũ bách Trưởng Giả. nhi cộng tập hội tiềm tương vị ngôn. chư nhân giả.

cùng năm trăm vị trưởng giả tập hợp lại mà nói rằng: Các vị,

遇佛出世斯為難事。人身難得時難契會。

ngộ Phật xuất thế tu vi nan sự. nhân thân nan đắc thời nan khế hội.  
gặp Phật ra đời đây là việc khó, được thân người là khó, thời gian khó quay lại,  
於佛教中淨信極難。捨家出家成苾芻相。此亦為難。

ư Phật giáo trung tịnh tín cực nan. xả gia xuất gia thành bật sô tướng. thù diệc vi nan.

đối với lời Phật mà sanh tịnh tín là khó, bỏ thế gian để xuất gia thành bậc Tỳ-kheo cũng là việc khó,

修行復難。彼諸有情知思念報。而復甚難。

tu hành phục nan. bi chú hữu tình tri ân niệm báo. nhi phục thậm nan.

việc tu hành lại càng khó, các chúng sanh biết ân mà suy nghĩ báo đáp cũng là việc rất khó,

但能少分施作尚不壞失。何況廣多。

đãn năng thiểu phân thí tác thượng bất hoại thất. hà hưởng quảng đa.

chỉ mới bố thí một phần nhỏ mà không bỏ qua hưởng hồ là rộng lớn.

又諸有情。若於如來教中能生淨信。

hựu chú hữu tình. nhược ư Như Lai giáo trung năng sanh tịnh tín.

Lại nữa các vị, nếu hay sanh lòng tin thanh tịnh đối với giáo pháp của Như lai,

信已復能依教修行。極為難事。又諸有情。

tín dĩ phục năng y giáo tu hành. cực vi nan sự. hựu chú hữu tình.

tin rồi lại y theo lời dạy mà thực hành là việc rất khó. Lại nữa các vị,

若能莊嚴如來教法。復能解脫輪迴極為難事。是故我等。

nhược năng trang nghiêm Như Lai giáo Pháp. phục năng giải thoát Luân hồi cực vi nan sự. thị cố ngã đẳng.

nếu hay trang nghiêm giáo pháp của Như lai, lại có thể giải thoát luân hồi ấy là việc rất khó. Cho nên chúng ta

不應於聲聞乘及緣覺乘中趣求涅槃。

bất ứng ư thanh văn thừa cập duyên giác thừa trung thú cầu Niết-bàn.

không cầu quả Niết-bàn ở Thanh văn thừa hay Duyên giác thừa

應於無上大乘法中趣求涅槃。

ứng ư vô thượng Đại thừa Pháp trung thú cầu Niết-bàn.

mà chỉ cầu quả Niết-bàn nơi Đại thừa Vô thượng.

於是眾會以如是事。互言議已。咸悉發起廣大勝心。

ư thị chúng hội dĩ như thị sự. hồ ngôn nghị dĩ. hàm tất phát khởi quảng Đại thắng tâm.

Bây giờ trong hội chúng bàn luận việc này xong rồi, họ đều phát tâm thù thắng rộng lớn,

皆言我今悉於無上大乘法中趣求涅槃。

giai ngôn ngã kim tất ư vô thượng Đại thừa Pháp trung thú cầu Niết-bàn.

đều phát thệ nguyện chúng ta sẽ ở nơi pháp Đại thừa Vô thượng mà cầu quả Niết-bàn,

不樂聲聞緣覺之乘。時無畏授與五百長者俱共圍繞。

bất lạc thanh văn duyên giác chi thừa. thời vô úy thụ dĩ ngũ bách Trưởng Giả câu cộng vây quanh.

không ưa thích quả Thanh văn hay Duyên giác. Bây giờ Vô Úy Thọ cùng với năm trăm vị trưởng giả đồng

出舍衛城詣世尊所。到已頭面禮世尊足。

xuất Xá-vệ thành nghê Thế Tôn sở. đáo dĩ đầu diện lễ Thế Tôn túc.

ra khỏi thành Xá-vệ rồi đi đến chỗ đức Thế Tôn, đến rồi đầu mặt lễ dưới chân đức Phật,

右繞七匝退坐一面。

hữu nhiều thất tạp thối tọa nhất diện。

đi quanh bên phải bảy vòng rồi ngồi qua một bên.

爾時世尊。知是事已故。

nhĩ thời Thế Tôn. tri thị sự dĩ cố.

Bấy giờ đức Phật đã biết sự việc này rồi,

謂無畏授等五百長者言。汝諸長者以何緣故。

vị vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả ngôn. nhữ chư Trưởng Giả dĩ hà duyên cố.  
bèn hỏi Vô Úy Thọ và năm trăm vị trưởng giả rằng: các ông do nhân duyên gì

來詣如來應供正等正覺所。

lai nghệ Như Lai Ứng Cúng chánh đẳng chánh giác sở.

mà đến chỗ Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác

時無畏授等五百長者。悉從座起。

thời vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả. tất tòng tọa khởi.

Bấy giờ năm trăm vị trưởng giả đều từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒一肩右膝著地。向佛合掌頂禮白言世尊。

Thiên đản nhất kiên hữu tất trước địa. hướng Phật hợp chưởng đảnh lễ bạch ngôn Thế Tôn.

trịch áo bày vai một phía, gối phải chạm đất, chắp tay hướng đến Phật đảnh lễ bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn!

我等向者共會一處。潛相謂言。

ngã đẳng hướng giả cộng hội nhất xứ. tiềm tương vị ngôn.

Chúng con đã cùng nhau họp lại một chỗ và bàn với nhau rằng:

遇佛出世斯為難事。人身難得時難契會。於佛教中淨信極難。

ngộ Phật xuất thế tư vi nan sự. nhân thân nan đắc thời nan khế hội. ư Phật giáo trung tịnh tín cực nan.

Gặp Phật xuất hiện ở đời ấy là việc khó, được thân người cũng là khó, thời gian khó quay trở lại, khởi lòng tu thanh tịnh đối với Phật pháp là rất khó,

捨家出家成苾芻相此亦為難。修行復難。

xả gia xuất gia thành bạt sô tướng thủ diệc vi nan. tu hành phục nan.

bỏ nhà xuất gia làm bậc Tỳ-kheo cũng là khó, tu hành là khó,

彼諸有情知思念報而復甚難。

bỉ chư hữu tình tri ân niệm báo nhi phục thậm nan.

các chúng sanh biết ân mà suy nghĩ để báo đáp cũng rất khó,

但能少分施作尚不壞失。何況廣多。又諸有情。

đãn năng thiểu phân thí tác thượng bất hoại thất. hà hưởng quảng đa. hựu chư hữu tình.

chỉ mới bố thí phần nhỏ mà không bỏ qua hưởng nữa rộng lớn. Lại nữa, các chúng sanh

若於如來教中能生淨信。信已復能依教修行。

nhược ư Như Lai giáo trung năng sanh tịnh tín. tín dĩ phục năng y giáo tu hành.  
nếu hay sanh lòng tin thanh tịnh đối với giáo pháp của Như lai, tin rồi có thể theo lời dạy mà tu hành,

極為難事。又諸有情。若能莊嚴如來教法。

cực vi nan sự. hựu chư hữu tình. nhược năng trang nghiêm Như Lai giáo Pháp.

đó là việc rất khó. Lại nữa, các chúng sanh hay trang nghiêm giáo pháp của Như lai,

復能解脫輪迴。極為難事。

phục năng giải thoát Luân hồi. cực vi nan sự.  
có thể giải thoát luân hồi là việc rất khó,

我等今時不應於聲聞乘及緣覺乘中趣求涅槃。

ngã đẳng kim thời bất ứng ư thanh văn thừa cập duyên giác thừa trung thú cầu Niết-bàn.

Nay chúng ta không nên cầu quả Niết-bàn ở Thanh văn thừa hay Duyên giác thừa  
應於無上大乘法中趣求涅槃。世尊我等以如是事互言議已。

ứng ư vô thượng Đại thừa Pháp trung thú cầu Niết-bàn. Thế Tôn ngã đẳng dĩ như thị sự hổ ngôn nghị dĩ.

mà nên cầu quả Niết-bàn nơi pháp Đại thừa Vô thượng. Bạch Thế Tôn! Chúng con đã  
đem việc này cùng bàn luận rồi,

咸悉發起廣大勝心。

hàm tất phát khởi quảng Đại thắng tâm.  
tất cả đều phát tâm thù thắng rộng lớn,

皆於無上大乘法中趣求涅槃。不樂聲聞緣覺之乘。我等乘此緣故。

giai ư vô thượng Đại thừa Pháp trung thú cầu Niết-bàn. bất lạc thanh văn duyên giác chi thừa. ngã đẳng thừa thù duyên cố.

đều cầu quả Niết-bàn nơi pháp Đại thừa Vô thượng, không ưa thích quả Thanh văn  
hay Duyên giác. Do nhân duyên này,

來詣如來應供正等正覺所。世尊諸菩薩摩訶薩。

lai nghê Như Lai Ứng Cúng chánh đẳng chánh giác sở. Thế Tôn chư Bồ-tát ma-ha-tát.

nên chúng con đến chỗ Như lai, bậc Ứng cúng, Chánh đẳng giác.  
Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát-ma-ha-tát

欲證阿耨多羅三藐三菩提者。當云何住。

dục chứng a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả. đương vân hà trụ.  
muốn chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ trụ chỗ nào,

復云何學。云何修行。

phục vân hà học. vân hà tu hành.  
sẽ học cái gì, tu làm sao?

爾時世尊。讚無畏授等五百長者言。

nhĩ thời Thế Tôn. tán vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả ngôn.

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Vô Úy Thọ cùng năm trăm vị trưởng giả rằng:

善哉善哉。汝諸長者甚善甚善。

Thiện tai Thiện tai. nhữ chư Trưởng Giả thậm thiện thậm thiện.

Hay thay! Hay thay! Các vị Trưởng giả thật khéo léo, thật tốt đẹp!

汝今能為安住阿耨多羅三藐三菩提。

nhữ kim năng vi an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

Nay các ông vì muốn an trú đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

故來詣如來應供正等正覺所。汝等諦聽極善作意。今為汝說。

cố lai nghê Như Lai Ứng Cúng chánh đẳng chánh giác sở. nhữ đẳng đề thỉnh cực thiện tác ý. kim vi nhữ thuyết.

mà đến chỗ Như lai, bậc Ứng cúng, Chánh đẳng giác. Các ông hãy khéo lắng nghe  
và suy nghĩ, ta sẽ vì các ông mà nói.

時無畏授等五百長者受教而聽。

thời vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả thọ giáo nhi thỉnh.

Lúc ấy Vô Thọ Úy cùng năm trăm vị trưởng giả lãnh thọ lắng nghe.

佛言諸長者。若菩薩摩訶薩。

Phật ngôn chư Trưởng Giả. nhược Bồ-tát ma-ha-tát.

Phật dạy: Các trưởng giả, nếu Bồ-tát-ma-ha-tát

欲證阿耨多羅三藐三菩提者。

dục chứng a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả.

muốn chứng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác

如其所住當如是學如是修行。

như kỳ sở trụ đương như thị học như thị tu hành.

thì nên trụ như vậy, học như vậy, tu hành như vậy.

又若菩薩摩訶薩。

hựu nhược Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, nếu Bồ-tát-ma-ha-tát

欲證阿耨多羅三藐三菩提者。應於一切有情起大悲心普遍親近。

dục chứng a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả. ứng ư nhất thiết hữu tình khởi Đại bi tâm phổ biến thân cận.

muốn chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sanh và gần gũi tất cả

廣為攝受觀察施作。而菩薩摩訶薩。

quảng vi nhiếp thọ quan sát thí tác. nhi Bồ-tát ma-ha-tát.

rộng nhiếp thọ và quán sát để bố thí, nhưng Bồ-tát-ma-ha-tát

於自身命不應愛著。

ư tự thân mạng bất ứng ái trước.

đối với thân mạng mình không nên tham đắm,

所有舍宅妻子眷屬飲食衣服乘馭床座珍寶財穀香華燈塗。

sở hữu xá trạch thê tử quyến chúc ẩm thực y phục thừa ngự sàng tọa trên bảo tài cốc hương hoa đăng đồ.

có nhà cửa, vợ con quyến thuộc, thức ăn áo mặc, xe cộ giường tòa, trên bảo tài vật, lúa gạo hương hoa,

乃至一切受用樂具悉不應著。何以故。

nãi chí nhất thiết thọ dụng lạc cụ tất bất ứng trước. hà dĩ cố.

cho đến vật thọ dụng vui chơi đều không tham đắm. Tại vì sao?

多諸有情愛著身身故。廣造罪業。彼彼所作業成熟已。

đa chư hữu tình ái trước thân mạng cố. quảng tạo tội nghiệp. bi bi sở tác nghiệp thành thực dĩ.

Vì các chúng sanh do tham đắm thân mạng nên tạo các tội ác, khi chỗ tạo tội đã chín muồi

墮在惡趣地獄中生。若於一切有情起大悲心。

đọa tại ác thú Địa ngục trung sanh. nhược ư nhất thiết hữu tình khởi Đại bi tâm.

nên đọa sanh trong các đường ác. Nếu khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sanh

於自身命不愛著故。即於一切善趣中生。諸長者。

ư tự thân mạng bất ái trước cố. tức ư nhất thiết thiện thú trung sanh. chư Trưởng Giả.

không tham đắm thân mạng mình, thì sẽ sanh vào các cõi thiện. Các vị trưởng giả!

是故菩薩摩訶薩。

thị cố Bồ-tát ma-ha-tát.

Vì thế nên Bồ-tát-ma-ha-tát

欲證阿耨多羅三藐三菩提者。於一切有情起大悲心。



dục chúng a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả. ư nhất thiết hữu tình khởi Đại bi tâm.

muốn chúng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sanh,

於自身命不生愛著。

ư tự thân mạng bất sanh ái trước.

không tham đắm thân mạng của mình

所有舍宅妻子眷屬飲食衣服乘馭床座珍寶財穀香華燈塗。乃至一切受用樂具。

sở hữu xá trạch thê tử quyến chúc ẩm thực y phục thừa ngự sàng tọa trên bảo tài cốc hương hoa đăng đồ. nãi chí nhất thiết thọ dụng lạc cụ.

và các vật như nhà cửa, vợ con quyến thuộc, thức ăn áo mặc, xe cộ châu báu, lúa gạo hương hoa, đèn, nước cho đến tất cả sự thọ dụng vui chơi,

悉不愛著已。然後自捨一切廣行惠施。

tất bất ái trước dĩ. nhiên hậu tự xả nhất thiết quảng hành huệ thí.

đều không nên tham đắm, sau đó xả bỏ hết, rộng lòng bố thí.

不求果報安住戒行。三相清淨修諸忍辱。

bất cầu quả báo an trú giới hành. tam tướng thanh tịnh tu chu nhẫn nhục.

Không cầu quả báo mà chỉ an trú nơi giới hạnh, ba tướng thanh tịnh, tu pháp nhẫn nhục,

堪能具足一切有情。於己所作不饒益事。

kham năng cụ túc nhất thiết hữu tình. ư kỷ sở tác bất nhiều ích sự.

có thể làm cho chúng sanh được đầy đủ. Đối với công việc mình làm không cầu lợi ích,

悉能忍伏。被大精進堅固甲冑。若身若命悉能棄捨。

tất năng nhẫn phục. bị Đại tinh tấn kiên cố giáp trụ. nhược thân nhược mạng tất năng khí xả.

nhẫn chịu tất cả, trang bị áo mũ, tinh tấn bền chắc, đối với thân mạng đều xả bỏ.

安住寂靜心一境性。

an trú tịch tĩnh tâm nhất cảnh tánh.

Tâm an trú vào cảnh vắng lặng,

遠離散亂勝慧決擇諸善法分。

viễn li tán loạn thắng tuệ quyết trạch chu thiện Pháp phân.

xa lìa tán loạn, dùng thắng huệ để chọn các thiện pháp,

不起我人眾生壽者士夫補特伽羅意生等見。廣為一切作諸勝行。

bất khởi ngã nhân chúng sanh thọ giả sĩ phu bổ đặc đà la ý sanh đẳng kiến. quảng vị nhất thiết tác chu thắng hạnh.

không khởi ý niệm nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả, sĩ phu, thường nhân, ý sinh cái nhìn bình đẳng, rộng vì tất cả mà làm các hạnh thù thắng.

為一切有情作意行施。為一切有情作意護戒。

vi nhất thiết hữu tình tác ý hành thí. vi nhất thiết hữu tình tác ý hộ giới.

Vì tất cả chúng sanh mà thực hành bố thí, vì tất cả chúng sanh mà hộ trì giới đức,

為一切有情作意行忍。

vi nhất thiết hữu tình tác ý hành nhẫn.

vì tất cả chúng sanh mà thực hành nhẫn nhục,

為一切有情作意發起堅固精進。為一切有情作意安住諸勝定門。

vi nhất thiết hữu tình tác ý phát khởi kiên cố tinh tấn. vi nhất thiết hữu tình tác ý an trú chu thắng định môn.

vì tất cả chúng sanh mà phát khởi tinh tấn kiên cố, vì tất cả chúng sanh mà an trú các định thù thắng,

為一切有情作意修慧。

vì nhất thiết hữu tình tác ý tu huệ.  
vì tất cả chúng sanh mà khởi ý tu huệ,

為一切有情習學一切善巧方便。

vì nhất thiết hữu tình tập học nhất thiết thiện xảo phương tiện.  
vì tất cả chúng sanh mà học tập các phương tiện khéo léo.

爾時無畏授等五百長者俱。白佛言世尊。

nhĩ thời vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả câu. bạch Phật ngôn Thế Tôn.  
Bấy giờ Vô Úy Thọ cùng năm trăm vị Trưởng giả bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我等昔來於自身命皆生愛著。

ngã đẳng tích lai ư tự thân mạng giai sanh ái trước.  
Xưa nay chúng con đều sanh ái trước đối với thân mạng,

所有舍宅妻子眷屬飲食衣服乘馭床座珍寶財穀香華燈

sở hữu xá trạch thê tử quyến chúc ẩm thực y phục thừa ngự sàng tọa trên bảo tài  
cốc hương hoa đăng

có các vật như nhà cửa, vợ con quyến thuộc, thức ăn áo mặc, xe cộ giường tòa,  
châu báu tiền của, lúa gạo hương hoa,

塗。乃至一切受用樂具悉生愛著。

đồ. nãi chí nhất thiết thọ dụng lạc cụ tất sanh ái trước.  
bôi. cho đến tất cả nhận lấy dùng thích đủ hết sanh yêu trước cho đến tất cả các  
vật dụng vui chơi đều sanh ái trước.

世尊菩薩摩訶薩。

Thế Tôn Bồ-tát ma-ha-tát.  
Thế Tôn Bồ-tát Ma Ha Bồ-tát.  
Bạch Thế Tôn! Bồ-tát-ma-ha-tát

作何觀察能於身命乃至一切受用樂具。不生愛著。願佛為說。

tác hà quan sát năng ư thân mạng nãi chí nhất thiết thọ dụng lạc cụ. bất sanh ái  
trước. nguyện Phật vì thuyết.

quán sát thế nào mà đối với thân mạng cho đến tất cả vật thọ dụng đều sanh tham  
ái, xin Phật thuyết giảng cho chúng con!

爾時世尊。告無畏授等五百長者言。

nhĩ thời Thế Tôn. cáo vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng Giả ngôn.  
Bấy giờ Thế Tôn bảo Vô Úy Thọ và năm trăm vị Trưởng giả rằng:

菩薩摩訶薩。以無數種相觀察於身。何等無數。

Bồ-tát ma-ha-tát. dĩ vô số chủng tướng quan sát ư thân. hà đẳng vô số.  
Bồ-tát-ma-ha-tát dùng vô số tướng mạo để quán sát nơi thân. Thế nào là vô số?

所謂此身不實緣法。合集如極微聚。

sở vị thử thân bất thật duyên Pháp. hợp tập như cực vi tụ.  
Đó là quán sát thân này không thật, là do duyên nơi pháp hòa hợp mà thành,

從頂至足次第破壞。彼九竅門及諸毛孔。

tòng đỉnh chí túc thứ đệ phá hoại. bỉ cửu khiếu môn cập chư mao khổng.  
từ đầu đến chân lần lượt bị phá hoại, chín lỗ trên thân và các lỗ chân lông

不淨流溢猶如蟻聚。蛇毒止中蛇毒違害。

bất tịnh lưu dật do như nghĩ tụ. xà độc chỉ trung xà độc vi hại.  
không ngừng chảy ra những thứ bất tịnh, như chất độc ứ lại trong thân rắn độc  
thì chỉ làm hại rắn độc mà thôi.

如怨敵如猿猴。多所損惱。如極惡友常起諍競。

như oán địch như viên hầu. đa sở tổn não. như cực ác hữu thường khởi tránh cạnh.  
Bồ-tát xem như oán gia như khi vượn, nhiều sự tổn não như bạn ác thường khởi  
tranh cãi,

身如聚沫不可撮摩。又如水泡旋有即壞。

thân như tụ bọt bất khả toát ma. hựu như thủy bào toàn hữu tức hoại.  
thân như đồng bọt không thể nắm bắt, lại như bọt nước vừa có liền tan;

又如陽焰渴愛所生。又如芭蕉中無堅實。

hựu như dương diệm khát ái sở sanh. hựu như ba tiêu trung vô kiên thật.  
lại như thấy sóng nắng sanh ra khát nước; lại như cây chuối bên trong không chắc  
thật;

又如幻化從虛妄起。又如王者多種教令。

hựu như huyền hóa tòng hư vọng khởi. hựu như Vương giả đa chủng giáo lệnh.  
lại như huyền hóa từ hư vọng khởi, lại như vị vua có nhiều sắc lệnh;

又如怨對常來伺便。又如盜賊無有信義。

hựu như oán đối thường lai tỳ tiện. hựu như đạo tặc vô hữu tín nghĩa.  
lại như oán gia thường tìm sự sơ hở; lại như giặc cướp không có tín nghĩa;

又如殺者極難調制。如惡知識常不歡喜。如破法者隱沒慧命。

hựu như sát giả cực nan điều chế. như ác tri thức thường bất hoan hi. như phá  
Pháp giả ẩn một huệ mạng.  
lại như đồ tể thật khó điều phục, như bạn ác thường không hoan hỷ, như người phá  
pháp làm mất huệ mạng;

又如邪朋滅失善法。又如空聚離於主宰。

hựu như tà bằng diệt thất thiện Pháp. hựu như không tụ ly ư chủ tể.  
lại như bạn xấu làm mất thiện pháp, lại như đám mây lênh đênh vô chủ;

又如瓦器終歸破壞。如小便坑不淨充滿。

hựu như ngõa khí chung quy phá hoại. như tiểu tiện khanh bất tịnh sung mãn.  
lại như bình đất cuối cùng hư hoại, như hầm tiểu tiện đầy dẫy bất tịnh

如大便處常多滓穢。

như Đại tiện xử thường đa chỉ uế.  
như chỗ đại tiện có nhiều phân dơ;

又如食噉諸不淨鬼及蛆蟲狗等樂臭穢中。又如廣積穢物遠聞其臭。

hựu như thực đạm chư bất tịnh quỷ cập trùng cẩu đẳng lạc xú uế trung. hựu  
như quảng tích uế vật viễn văn kỳ xú.  
lại như quỷ ăn các thứ bất tịnh, như loài trùng thích ở nơi dơ bẩn, lại như nơi  
chứa các vật dơ, từ xa đã nghe mùi hôi

如惡瘡難合其竅痛不可忍。

như ác sang bào nan hợp kỳ khiểu thống bất khả nhẫn.  
như mụn nhọt khó lành, đau không thể chịu nổi;

又如毒箭入身酸楚。如惡家主難為侍養。

hựu như độc tiễn nhập thân toan sở. như ác gia chủ nan vi thị dưỡng.  
lại như mũi tên độc làm đau thân thể, như chủ nhà xấu ác khó hầu hạ cấp dưỡng;

又如朽舍及如漏船。雖假修治旋歸散壞。又如坯器難為固惜。

hựu như hủ xá cập như lậu thuyền. tuy giả tu trì toàn quy tán hoại. hựu như bôi  
khí nan vi cố tích.  
lại như nhà mục, như thuyền lũng tuy có sửa sang mà cuối cùng bị hư hoại, lại  
như đồ dùng bằng đất khó được bền lâu,

又如惡友常假將護。如河岸樹風所動搖。

hộ như ác hữu thường giả tướng hộ. như hà ngạn thụ phong sở động dao.  
lại như bạn ác thường giả giúp đỡ, như cây bên bờ bị gió làm lay động,  
如大河流終歸死海。又如客舍多種違惱。  
như Đại hà lưu chung quy từ hải. hộ như khách xá đa chủng vi não.  
như dòng sông lớn cuối cùng chảy về biển; lại như nhà khách nhiều thứ phiền lụy,  
如無主舍無所攝屬。如巡警人常專檢察。  
như vô chủ xá vô sở nhiếp chúc. như tuần cảnh nhân thường chuyên kiểm sát.  
như nhà không chủ chẳng thuộc về ai, như người tuần cảnh thường đi kiểm soát  
及如邊方多所侵燒。如積沙處漸當減下。  
cập như biên phương đa sở xâm nhiều. như tích sa xử tiệm đương giảm hạ.  
như ở biên giới có nhiều xâm nhiễu, như cồn cát cao sẽ bị voi dẫm,  
如火蔓延。如海難渡。如地難平。  
như hỏa mạn duyên. như hải nan độ. như địa-nan bình.  
như lửa lan mạnh, như biển khó đo lường, như đất khó bằng phẳng,  
如蛇置篋隨生損害。又如嬰兒常須存愛。  
như xà trí khiếp tùy sanh tổn hại. hộ như anh nhi thường tu tồn ái.  
như rắn trong lồng sẽ làm tổn hại; lại như trẻ thơ cần được thương yêu,  
又如破器無所堪用。如惡方處常虞壞亂。如雜毒食常當遠離。  
hộ như phá khí vô sở kham dụng. như ác phương xử thường ngu hoại loạn. như tạp  
độc thực thường đương viễn li.  
như đồ dùng bị bể không thể dụng vật, như vùng đất nguy hiểm thường nhiễu loạn,  
như thức ăn độc thường phải tránh xa,  
如求乞人得種種物得已旋棄。  
như cầu khát nhân đắc chủng chủng vật đắc dĩ toàn khí.  
như người ăn xin được các đồ vật, được rồi bỏ lại,  
又如大車負極重等。唯諸智者。於法覺了應如是知。  
hộ như Đại xa phụ cực trọng đẳng. duy chư trí giả. u Pháp giác liễu ứng như thị  
tri.  
lại như xe lớn chở các vật nặng. Chỉ có người trí đối với pháp hiểu biết rõ  
ràng, các ông nên biết như vậy.

佛說無畏授所問大乘經卷上

Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển thượng  
Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Vô Úy Thọ Sở Vấn - Quyển Thượng.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch  
Sun Apr 30 21:49:51 2006

# PHẬT THUYẾT VÔ UÝ THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA KINH QUYỂN TRUNG

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 331*

Hán dịch: Thần Pháp Hộ  
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền  
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (02-2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**  
PO Box 91748, Henderson, NV 89009  
Website <http://www.daitangvietnam.com>  
Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 331 《佛說無畏授所問大乘經》CBETA 電子佛典 V1. 8 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 331 《Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 8 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 331 《Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 8 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 佛說無畏授所問大乘經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 8, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 8, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 8, Normalized Version

=====

=====

佛說無畏授所問大乘經卷中

Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển trung  
[Phật Thuyết Đại thừa Vô Úy Thọ Sở Vấn Kinh](#)  
[Quyển Trung](#)

西天譯經三藏朝奉大試光祿卿

傳法大師賜紫沙門臣法護等奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều phụng Đại phu thí quang lộc khanh  
truyền Pháp Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch.  
[Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Phụng Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh](#)  
[Truyền Pháp Đại Sư Tứ Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ phụng chiếu dịch.](#)

復次長者菩薩摩訶薩。觀察此身。

phục thứ Trường-Giả Bồ-tát Ma-Ha tát。quan sát thủ thân。  
[Lại nữa, trường giả Đại Bồ-tát quán sát thân này](#)

最初何因之所成立。謂依父母精血合集生起彼因。

tối sơ hà nhân chi sở thành lập。vị y phụ mẫu tinh huyết hợp tập sanh khởi bi nhân。

[ban đầu là do nhân duyên gì mà thành tựu。 Là do tinh cha huyết mẹ hòa hợp mà sanh khởi.](#)

復由受其飲食。食已變壞旋聚即散。

phục do thọ kỳ ẩm thực。thực dĩ biến hoại toàn tụ tức tán。  
[lại do tiếp thọ sự ăn uống, ăn rồi liền biến hoại, có tụ liền tan](#)

歸淡塵藏淡塵流潤。終歸不淨。

quy đậm âm tạng đậm âm lưu nhuận 。 chung quy bất tịnh 。  
Đi vào trong ruột rồi lại lưu chuyển, rồi cuộc lại chỉ là bất tịnh

然後火大增彊煮變成熟。後歸風力。

nhiên hậu hỏa Đại tăng cường chủ biến thành thực。 hậu quy phong lực。  
sau đó hỏa đại tăng thì biến thành sức nóng, rồi thành sức gió,

由其風力各分滓重及與流潤。滓重所謂大小便等。流潤謂血。血變成肉。

do kỳ phong lực các phân chi trọng cập dữ lưu nhuận。 chi trọng sở vị Đại tiểu  
tiện đẳng。 lưu nhuận vị huyết。 huyết biến thành nhục。

do sức gió mà phân ra phần đặc và phần lỏng, phần đặc gọi là đại tiểu tiện, phần  
lỏng tức là máu, máu biến thành thịt

肉成於脂。脂成於骨。骨成其髓。髓成其精。

nhục thành ư chi。 chi thành ư cốt。 cốt thành kỳ tủy 。 tủy thành kỳ tinh 。  
thịt thành mỡ, mỡ thành xương, xương thành tủy, tủy thành tinh khí

精等乃成此不淨身。菩薩觀此不淨身故。

tinh đẳng nãi thành thử bất tịnh thân。 Bồ-tát quán thử bất tịnh thân cố。  
tinh khí và các thứ biến thành thân bất tịnh。 Bồ-tát do quán sát thân bất tịnh  
này

乃起思惟。此身多種合集。各別名相。謂三百骨。

nãi khởi tư duy 。 thử thân đa chủng hợp tập , các biệt danh tướng。 vị tam bách  
cốt 。

mà khởi tư duy, thân này do nhiều thứ hợp thành, mỗi thứ đều có tướng riêng  
biệt, đó là ba trăm đốt xương,

六十肪及膏相。合四百膜。五百肉團。

lục thập phương cập cao tướng。 hợp tứ bách mô。 ngũ bách nhục đoàn。  
sáu mỡ lá và mỡ nước hợp lại thành bốn trăm màng mô, năm trăm phần thịt,

六百腦。七百脈。九百筋。十六肋骨。復有三事。

lục bách não。 thất bách mạch。 cửu bách gân。 thập lục lặc cốt。 phục hữu tam sự 。

sáu trăm não, bảy trăm mạch, chín trăm gân, mười sáu xương sườn。 Lại có ba thứ  
內纏其腸分生熟藏腸。有十六交絡而住。

nội triển kỳ tràng phân sanh thực tạng tràng 。 hữu thập lục giao lạc nhi trụ。  
vây quanh phần ruột non ruột già, có mười đoạn quấn lại,

二千五百脈道透映。一百七節。

nhị thiên ngũ bách mạch đạo thấu ánh 。 nhất bách thất tiết 。

hai ngàn năm trăm mạch, một trăm lẽ bảy phần chi tiết nhỏ,

八十萬俱胝毛孔。具有五根。九竅。七藏。不淨充滿。

bát thập vạn câu chi mao khổng。 cụ hữu ngũ căn。 cửu khiểu。 thất tạng。 bất tịnh  
sung mãn。

tám mươi vạn ức lỗ lông。 Lại nữa, năm căn, chín lỗ, bảy tạng, luôn đầy đầy sự  
nhơ bẩn

髓有一掬腦。有一掬脂。有三掬淡蔭。六掬滓重。

tủy hữu nhất cốc não。 hữu nhất cốc chi。 hữu tam cốc đậm âm。 lục cốc chi trọng。  
Tủy có một bộ não, có một phần mỡ, có ba phần đậm âm, sáu phần thịt đặc

六搦風力。隨遍血有一斗。如是一切各各充滿。

lục súc phong lực. tùy biến huyết hữu nhất đấu. như thị nhất thiết các các sung mãn.

sáu phần hơi gió, có một đấu màu huyết lưu chuyển. Như vậy tất cả đều đầy đầy, có bảy mạch. 而復圍繞。吸諸滋味。

hữu thất thủy mạch . nhi phục vây quanh . hấp chu tu vị .  
có bảy mạch bao quanh, hấp thụ các khí thở,

內火大增熾然燒煮。逼切疲極。身脈汗流。

nội hỏa Đại tăng sí nhiên thiêu chử . bức thiết bì cực. thân mạch hãn lưu.  
lửa nóng bên trong tăng trường mạnh làm cho mệt mỏi, thân đổ mồ hôi,

是等諸相極難可見。此之臭穢不淨體相。

thị đẳng chu tướng cực nan khả kiến. thử chi xú uế bất tịnh thể tướng .  
các tướng như vậy khó thấy được hết. Thân tướng như bản hôi hám như vậy

是中云何起增上愛。如求巧人得所用物。得已旋棄。

thị trung vân hà khởi tăng thượng ái. như cầu cái nhân đắc sở dụng vật. đắc dĩ toàn khí.

thì tại sao lại khởi tâm thương mến? Như theo người ăn xin được ít đồ vật, được rồi lại bỏ đi

又如大車負極重等。唯諸智者於法覺了。

hựu như Đại xa phụ cực trọng đẳng . duy chu trí giả ư Pháp giác liễu .  
Lại như xe lớn chở đồ quá nặng, chỉ có người trí là hiểu biết đối với pháp  
應如是知即說頌曰。

ứng như thị tri tức thuyết tụng viết .  
cho nên phải biết như vậy. Bây giờ Phật bèn nói bài kệ rằng:

此身多種不淨聚

thử thân đa chủng bất tịnh tụ  
Thân này nhiều dơ úc nhóm lại.

疆起增長愛著心

cường khởi tăng trường ái trú tâm  
Nên khởi tâm tham ái đắm trước.

耳目口鼻皆穢物

nhĩ mục khẩu tỷ giai uế vật  
Mắt tai mũi miệng là vật dơ.

涎眵結瞤及涕洟

tiên si kết ninh cập thể di  
Mũi dãi, nước miếng cùng nước ghen.

譬如愚者取於炭

thí như ngu giả thủ ư than  
Thí như người ngu lấy ít than.

炭盡力疲白莫成

than tận lực bì bạch mạc thành  
Than mòn sức hết mà chẳng được.

如人意欲成潔淨

như nhân ý dục thành khiết tịnh

愚無智者不了知

ngu vô trí giả bất liễu tri  
Người ngu vô trí không hiểu rõ.

如穢瓶破多穢氣

như uế bình phá đa uế khí  
Như bình bể nhiều hơi thúi.

彼等何者為香潔

bỉ đẳng hà giả vi hương khiết  
Các thứ ấy vật nào thơm sạch.

諸蟲雜惡何生愛

chư trùng tạp ác hà sanh ái  
Có được thứ gì đáng yêu mến.

勤力摩治欲令白

tinh cần lực ma trì dục lệnh bạch  
Ra sức chà rửa muốn được trắng.

無智妄貪亦如是

vô trí vọng tham diệc như thị  
Người ngu tham đắm cũng như thế.

多種修治於此身

đa chủng tu trì ư thử thân



Như người muốn thân được trong sạch. Dùng rất nhiều pháp để sửa sang.

百轉沐浴及香塗

bách chuyển mộc dục cập hương đồ  
Trăm lần tắm gội và thoa hương.

身壞命終歸不淨

thân hoại mạng chung quy bất tịnh  
Thân hoại mạng chung vẫn do bản.

爾時世尊復告無畏授等五百長者言。

nhĩ thời Thế tôn phục cáo vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng-Giả ngôn 。  
Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Vô Úy Thọ cùng năm trăm Trưởng Giả rằng:

長者當知。

Trưởng-Giả đương tri 。  
Trưởng giả nên biết.

菩薩摩訶薩欲證阿耨多羅三藐三菩提者。觀察此身有四十四相。何等四十四。

Bồ-tát Ma-Ha tát dục chứng a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả 。 quan sát thử thân hữu tứ thập tứ tướng 。 hà đẳng tứ thập tứ 。  
Đại Bồ-tát muốn chứng đắc A nậu đa la tam miểu tam bồ đề, nên quá sát thân này có bốn mươi bốn tướng. Thế nào là bốn mươi bốn tướng.

謂菩薩摩訶薩觀察此身誠所厭棄。

vị Bồ-tát Ma-Ha tát quan sát thử thân thành sở yếm khí 。  
Đó là đại Bồ-tát quán sát thân này thật đáng nhàm chán,

菩薩觀身不可愛樂。以不饒益故。

Bồ-tát quán thân bất khả ái lạc 。 dĩ bất nhiều ích cố 。  
Bồ-tát quán thân này không thể yêu mến vì không có lợi ích.

菩薩觀身極為臭穢。膿血滿故菩薩觀身甚不堅牢。

Bồ-tát quán thân cực vi xú uest. nùng huyết mãn cố Bồ-tát quán thân thậm bất kiên lao.

Bồ-tát quán thân này thật là do uest do máu mù đầy dầy. Bồ-tát quán thân này không được vững bền

終破壞故。菩薩觀身體性羸劣。筋骨相聯故。

chung phá hoại cố 。 Bồ-tát quán thân thể tánh luy liệt. cân cốt tương liên cố.  
bởi sẽ bị hoại diệt. Bồ-tát quán thân này thể tánh suy kém do gân cốt nối nhau

菩薩觀身不淨。穢惡常流故。菩薩觀身如幻。

Bồ-tát quán thân bất tịnh. uest ác thường lưu cố. Bồ-tát quán thân như huyễn 。  
Bồ-tát quán thân này bất tịnh do thường chảy ra thứ do bản. Bồ-tát quán thân này như huyễn

愚夫異生疆起虛妄動亂相故。

ngu phu dị sanh cương khởi hư vọng động loạn tương cố.  
người ngu sanh khởi tương hư vọng tán loạn.

菩薩觀身多所漏失。以九竅門常流注故。菩薩觀身熾然燒爇。

Bồ-tát quán thân đa sở lậu thất 。 dĩ cửu khiếu môn thường lưu chú cố. Bồ-tát quán thân sí nhiên thiêu nhiệt.

Bồ-tát quán thân này nhiều do bản, do chín lỗ thường chảy ra. Bồ-tát quán thân này như lửa cháy dữ dội,

謂貪火所焚瞋火猛聚癡火暗冥故。

vị tham hòa sở phần sân hòa mãnh tụ si hòa ám minh cố.  
do lừa tham, sân, si luôn thiêu đốt

**菩薩觀身貪瞋癡網。常所蓋覆愛網相續故。**

Bồ-tát quán thân tham sân si vũng. thường sở cái phúc ái vũng tướng tục cố .  
Bồ-tát quán thân này là lưới tham sân si, thường che đậy khiến lưới tham ái phát triển

**菩薩觀身竅穴所依。**

Bồ-tát quán thân khiêu huyết sở y .  
Bồ-tát quán thân này chỗ nương dựa của các lỗ hang,

**以九竅門及諸毛孔周遍流注雜穢充故。菩薩觀身多種逼惱。**

dĩ cừu khiêu môn cập chu mao không châu biến lưu chú tạp uế sung cố . Bồ-tát  
quán thân đa chủng bức não.

Do chín lỗ trên thân và các chân lông thay nhau chảy ra đồ uế tạp. Bồ-tát quán  
thân này bị nhiều thứ bức bách

**四百四病常增損故。菩薩觀身是為窟宅。**

tứ bách tứ bệnh thường tăng tổn cố. Bồ-tát quán thân thị vi quật trạch.  
do 404 bệnh thường tăng giảm. Bồ-tát quán thân này là hang động

八萬四千戶蟲之所聚故。菩薩觀身無常。終歸死法故。

bát vạn tứ thiên hộ trùng chi sở tụ cố. Bồ-tát quán thân vô thường. chung quy tử  
Pháp cố.

do có tám vạn bốn ngàn cửa để vi trùng tụ tập. Bồ-tát quán thân này là vô  
thường, bởi cuối cùng quy về sự chết.

**菩薩觀身無知。於法不知故。**

Bồ-tát quán thân vô tri . u Pháp bất tri cố .  
Bồ-tát quán thân này là vô tri, bởi đối với giáo pháp không thể hiểu biết

**菩薩觀身如器用。眾緣合成終破壞故。菩薩觀身逼切。**

Bồ-tát quán thân như khí dụng. chúng duyên hợp thành chung phá hoại cố. Bồ-tát  
quán thân bức thiết .

Bồ-tát quán thân này như vật chứa đồ dùng, do các duyên hợp thành, cuối cùng bị  
phá hoại. Bồ-tát quán thân này là bức não,

**眾多憂惱故。菩薩觀身無歸趣。畢竟老死故。**

chúng đa ưu não cố. Bồ-tát quán thân vô quy th . tất cánh lão tử cố.  
do có nhiều thứ sầu lo. Bồ-tát quán thân này không có chỗ quay về, cuối cùng là  
già chết.

**菩薩觀身深隱。諂誑所行故。**

Bồ-tát quán thân thâm ẩn. siểm cuống sở hạnh cố.  
Bồ-tát quán thân này là thâm sâu, do hay làm việc lừa dối nịnh nọt

**菩薩觀身如地。難平滿故。菩薩觀身如火。**

Bồ-tát quán thân như địa. nan bình mãn cố. Bồ-tát quán thân như hỏa.  
Bồ-tát quán thân này như đất do khó được bằng phẳng. Bồ-tát quán thân này như  
lửa

**以所愛色隨繫著故。菩薩觀身無厭足。隨五欲故。**

dĩ sở ái sắc tùy hệ trú cố. Bồ-tát quán thân Vô yếm túc. tùy ngũ dục cố.

do tham đắm sắc mà bị trói buộc. Bồ-tát quán thân này không biết đủ, do thường chạy theo năm thú dục lạc.

**菩薩觀身破壞。煩惱對礙故。**

Bồ-tát quán thân phá hoại 。phiền não đối ngại cố 。  
Bồ-tát quán thân này hư hoại, do phiền não làm trở ngại

**菩薩觀身無定分位。以其利衰現所受故。**

Bồ-tát quán thân vô định phân vị. dĩ kỳ lợi suy hiện sở thọ cố 。  
Bồ-tát quán thân không có địa vị của thiền định, do thượng thọ nhận sự được mất

**菩薩觀身無自他緣。不得源流故。菩薩觀身馳流心意。**

Bồ-tát quán thân vô tự tha duyên. bất đắc nguyên lưu cố. Bồ-tát quán thân trì lưu tâm ý.  
Bồ-tát quán thân không có duyên tự tha, do không thấu hiểu điểm khởi đầu. Bồ-tát quán thân với tâm ý rong ruổi.

**以種種緣作意伺察故。菩薩觀身棄背畢竟。**

dĩ chủng chủng duyên tác ý tỷ sát cố 。 Bồ-tát quán thân khí bối tất cánh.  
Do tác ý với các duyên bên ngoài. Bồ-tát quán thân là thú bỏ đi

**歸於棄尸林故。菩薩觀身為他所食。**

quy ư khí thi lâm cố 。 Bồ-tát quán thân vi tha sở thực 。  
do chết để nơi rừng núi. Bồ-tát quán thân bị kẻ khác ăn thịt

**鷲鳥豺狼等食噉故。菩薩觀身如輪盤影現。**

thú điểu sài lang đẳng thực đạm cố. Bồ-tát quán thân như luân bàn ảnh hiện 。  
do bị cầm thú sài lang ăn thịt. Bồ-tát quán thân như bánh xe chẳng chệch

**筋骨連接故。菩薩觀身無所顧惜殘棄漏失。**

cân cốt liên tiếp cố 。 Bồ-tát quán thân vô sở cố tích tàn khí lậu thất 。  
do gân cốt liền nhau. Bồ-tát quán thân là thú bỏ không có gì tiếc nuối,

**膿血滿故。菩薩觀身耽著滋味。飲食所成故。**

nùng huyết mãn cố. Bồ-tát quán thân đam trú tư vị 。 ẩm thực sở thành cố 。  
do máu mũ tràn đầy. Bồ-tát quán thân là tham đắm mùi vị, do ăn uống mà tồn tại

**菩薩觀身勤苦無利。以是無常生滅法故。**

Bồ-tát quán thân tinh cần khổ vô lợi. dĩ thị vô thường sanh diệt Pháp cố.  
Bồ-tát quán thân lao khổ không lợi ích, bởi đây là pháp vô thường sanh diệt

**菩薩觀身如惡友。起諸邪妄故。菩薩觀身如殺者。**

Bồ-tát quán thân như ác hữu. khởi chu tà vọng cố. Bồ-tát quán thân như sát giả  
Bồ-tát quán thân như bạn xấu, do thường khởi tà vọng. Bồ-tát quán thân như kẻ giết người

**重重現增苦故。菩薩觀身為苦器。**

trọng trọng hiện tăng khổ cố 。 Bồ-tát quán thân vi khổ khí 。  
do thường tăng các khổ. Bồ-tát quán thân là nơi chứa đựng khổ

**三苦逼惱故。所謂行苦壞苦苦苦。菩薩觀身為苦聚。**

tam khổ bức não cố sở vị hành khổ hoại khổ khổ khổ. Bồ-tát quán thân vi khổ tụ  
do ba thứ khổ thường bức bách, đó là hành khổ, hoại khổ và khổ khổ. Bồ-tát quán thân là nơi tích tụ khổ

五蘊隨轉無主宰故。菩薩觀身極不自在。

ngũ uẩn tùy chuyển vô chủ tế cố 。 Bồ-tát quán thân cực bất tự-tại 。  
do năm uẩn luân chuyển không có chủ tế. Bồ-tát quán thân không được tự tại,  
種種緣成故。菩薩觀身無壽者。離男女相故。

chủng chủng duyên thành cố. Bồ-tát quán thân vô thọ giả. ly nam nữ tướng cố 。  
do các duyên hòa hợp mà thành. Bồ-tát quán thân không có sống lâu, xa lìa tướng  
nam nữ.

菩薩觀身空寂。諸蘊處界所合成故。

Bồ-tát quán thân không tịch 。 chư uẩn xứ giới sở hợp thành cố 。  
Bồ-tát quán thân là trống không, do năm uẩn, mười hai xứ mười tám giới hợp lại  
mà thành.

菩薩觀身虛假。以如夢故。菩薩觀身不實。以如幻故。

Bồ-tát quán thân hư giả dĩ như mộng cố. Bồ-tát quán thân bất thật. dĩ như huyễn  
cố.  
Bồ-tát quán thân là giả tạo, bởi như huyễn mộng. Bồ-tát quán thân là không thật,  
bởi nó là như huyễn.

菩薩觀身動亂。如陽焰故。菩薩觀身馳流。

Bồ-tát quán thân động loạn. như dương diệm cố. Bồ-tát quán thân trì lưu.  
Bồ-tát quán thân loạn động như lửa cháy nhanh. Bồ-tát quán thân như nước chảy  
如響應故。菩薩觀身虛妄所起。如影現故。

như hưởng ứng cố. Bồ-tát quán thân hư vọng sở khởi. như ảnh hiện cố 。  
như tiếng vang. Bồ-tát quán thân khởi hư vọng như bóng chợt hiện ra.

長者。

Trưởng-Già 。  
Này Trưởng già,

菩薩摩訶薩以如是等四十四相觀察於身。而菩薩摩訶薩作此觀察時。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ như thị đẳng tứ thập tứ tướng quan sát ư thân. nhi Bồ-tát  
Ma-Ha tát tác thủ quan sát thời 。  
đại Bồ-tát dùng bốn mươi bốn tướng như vậy để quán sát thân, khi đại Bồ-tát khởi  
sự quán tưởng,

所有於身樂欲。於身顧惜。於身執我。於身愛染。

sở hữu ư thân lạc dục. ư thân cố tích 。 ư thân chấp ngã 。 ư thân ái nhiễm 。  
nếu có sự ham muốn thân, luyện tiếc thân, chấp ngã thân, ái nhiễm thân,

於身積集。於身繫著。一切悉斷。由是於命樂欲。

ư thân tích tập. ư thân hệ trú. nhất thiết tất đoạn. do thị ư mạng lạc dục.  
tích chứa cho thân, trói buộc ở thân, thì Bồ-tát đều đoạn diệt hết. Do đây đối  
với ái dục mạng sống,

於命顧惜。於命執我。於命愛染。於命積集。

ư mạng cố tích. ư mạng chấp ngã 。 ư mạng ái nhiễm 。 ư mạng tích tập 。  
luyện tiếc mạng sống, chấp ngã mạng sống, ái nhiễm mạng sống, tích chứa cho mạng  
sống,

於命繫著。乃至舍宅。妻子眷屬。飲食衣服。

ư mạng hệ trứ. nãi chí xá trạch . thê từ quyền chúc. ẩm thực y phục.  
sự trói buộc mạng sống, cho đến nhà cửa, vợ con quyền thuộc, thức ăn áo mặc  
乘馭床座。珍寶財穀。香華燈塗。一切受用樂具。

thừa ngự sàng tọa. trần bảo tài cốc. hương hoa đăng đồ. nhất thiết thọ dụng lạc  
cụ.  
xe cộ giường tòa, châu báu lúa gạo, hương hoa đèn nến, tất cả đồ dùng vui chơi,  
若樂欲。若顧惜。若執我所。若愛染。若積集。

nhược lạc dục. nhược cố tích. nhược chấp ngã sở. nhược ái nhiễm. nhược tích tập  
hoặc tham muốn, hoặc luyến tiếc, hoặc chấp là của ta, hoặc ái nhiễm, hoặc tích  
chứa,

若繫著。一切亦斷。由於身命能棄捨故。

nhược hệ trứ. nhất thiết diệc đoạn . do ư thân mạng năng khí xả cố .  
hoặc bị trói buộc, tất cả đều xả bỏ, do đây đối với thân mạng cũng có thể xả bỏ  
乃至一切愛用樂具亦悉棄捨。

nãi chí nhất thiết ái dụng lạc cụ diệc tất khí xả .  
cho đến tất cả vật dụng ưa thích cũng đều xả bỏ,  
如是乃能圓滿六波羅蜜多。長者。

như thị nãi năng viên mãn lục ba la mật đa . Trường-Già .  
như vậy mới có thể viên mãn sáu pháp Ba la mật. Nay Trường già!

菩薩摩訶薩以能圓滿波羅蜜多故。即能速證阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ năng viên mãn ba la mật đa cố. tức năng tốc chứng a nậu đa  
la tam miểu tam Bồ đề .  
Do Đại Bồ-tát có thể viên mãn sáu pháp ba la mật, nên mau chứng đắc Vô thượng  
Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時世尊欲重宣此義即說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn dục trọng tuyên thử nghĩa tức thuyết tụng viết .  
Bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

應知人身極難得  
ứng tri nhân thân cực nan đắc  
Nên biết thân người rất khó được

豺狗取食棄尸林  
sài cẩu thủ thực khí thi lâm  
Chết bỏ ngoài rừng bị thú ăn

愚無智者常動亂  
ngu vô trí giả thường động loạn  
Người ngu vô trí thường loạn động

此身難馭違背深  
thử thân nan ngự vi bối thâm  
Thân này buông lung khó chế ngự

此身苦輪常生病  
thử thân khổ luân thường sanh bệnh  
Thân này thường sanh nhiều bệnh khổ

飢渴隨逐燒惱深  
cơ khát tùy trục nhiều não thâm

莫因此身造眾罪  
mạc nhân thử thân tạo chúng tội  
Chớ dựa nơi thân tạo các tội

空將此身為殘棄  
không tương thử thân vi tàn khí  
Cuối cùng thân này bị vất bỏ

虛偽身中起貪愛  
hư ngụy thân trung khởi tham ái  
Khởi tham ái với thân giả tạm

晝夜受苦無停息  
trú dạ thọ khổ vô đình tức  
Đêm ngày chịu khổ không ngừng nghỉ

此身不淨廣充盈  
thử thân bất tịnh quảng sung doanh  
Thân này chứa đầy thú bất tịnh

誰諸智者生愛著  
thùy chư trí giả sanh ái trú

Vì sự ăn uống mà nhiều khổ

**此身如地廣無主**

thù thân như địa quảng vô chủ  
Thân này như đất rộng vô chủ

**因此身故眾罪興**

nhân thù thân cố chúng tội hưng  
Do thân này mà khởi ác tội

**此身不同金剛堅**

thù thân bất đồng Kim cương kiên  
Thân này chẳng bền như kim cương

**智者應修勝福田**

trí giả ứng tu thắng phúc nhân  
Người trí nên tu nhân thù thắng

**此身不久徒存養**

thù thân bất cửu đồ tồn dưỡng  
Thân này chẳng được tồn tại lâu

**緣歸破壞暫任持**

duyên quy phá hoại tạm nhiệm trì  
Duyên tan thân hoại trong chốc lát

**經百劫中難得遇**

Kinh bách kiếp trung nan đắc ngộ  
Trong trăm ngàn kiếp khó gặp lại

**速於佛教淨信生**

tốc ư Phật giáo tịnh tín sanh  
Hãy mau sanh lòng tin Phật pháp

**假使壽千俱胝歲**

giả sử thọ thiên câu chi tuế  
Dẫu cho tuổi thọ đến ngàn ức

**何況壽不滿百年**

hà huống thọ bất mãn bách niên  
Huống là không sống đến trăm năm

**或有一類奢侈者**

hoặc hữu nhất loại xa xỉ giả  
Hoặc có hạng người sống xa xỉ

**廣集嬉戲歌伎人**

quảng tập hí hí ca kỹ nhân  
Vui đùa ca múa cùng kỹ nhạc

**度集財寶何有樂**

độ tập tài bảo hà hữu lạc  
Tiêu hao tiền của có gì vui

**下劣愚夫喜悅生**

hạ liệt ngu phu hí duyệt sanh  
Người ngu thấp hèn ưa đùa vui

**富貴不實如夢幻**

phú quý bất thật như mộng huyền  
Giàu sang chẳng thật như huyền mộng

**剎那破壞剎那成**

sát-na phá hoại sát-na thành

Là người trí sẽ không tham đắm

**及如惡友愚生愛**

cập như ác hữu ngu sanh ái  
Như bạn ác người ngu ưa thích

**畢竟還自受諸苦**

tất cánh hoàn tự thọ chư khổ  
Cuối cùng tự mình chịu các khổ

**莫因此身廣造罪**

mạc nhân thù thân quảng tạo tội  
Chớ nương thân này mà tạo ác

**於佛教中生淨信**

ư Phật giáo trung sanh tịnh tín  
Đối với Phật giáo sanh tịnh tín

**衣服香嚴飲食資**

y phục hương nghiêm ẩm thực tu  
Nương nhờ ăn uống cùng y phục

**邪勤施作何空過**

tà tinh cần thí tác hà không quá  
Chớ để thời gian qua uổng phí

**大牟尼尊出世間**

Đại Mâu Ni tôn xuất thế gian  
Phật Thích-ca xuất hiện thế gian

**莫於惡趣受極怖**

mạc ư ác thú thọ cực phở  
Chớ để chịu khổ nơi đường ác

**彼尚勿應生貪愛**

bỉ thượng vật ứng sanh tham ái  
Cũng không nên tham ái với thân

**豈生貪愛無厭足**

khởi sanh tham ái vô yếm túc  
Lại sanh yêu mến không nhàm chán

**不念此身極難得**

bất niệm thù thân cực nan đắc  
Không nghĩ thân này khó làm được

**於前戲劇求快樂**

ư tiền hí kịch cầu khoái lạc  
Đối với các thú tìm khoái lạc

**護惜重重苦惱增**

hộ tích trọng trọng khổ não tăng  
Tích chứa khổ não khiến tăng trưởng

**智者於中離貪著**

trí giả ư trung ly tham trước  
Bậc trí nên xa lìa tham đắm

**愚者馳流於心意**

ngu giả trì lưu ư tâm ý  
Người ngu chạy theo phóng túng tâm

**誰諸智者生貪愛**

thùy chư trí giả sanh tham ái

Trong sát na hoại rồi lại thành

Là người trí chẳng sanh tham ái

佛說無畏授所問大乘經卷中

Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển trung

Phật Thuyết Đại thừa Vô Úy Thọ Sở Vấn Kinh.

Quyển Trung.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 21:49:55 2006

=====

PHẬT THUYẾT VÔ UÝ  
THỌ  
SỞ VẤN ĐẠI THỪA KINH  
QUYỂN HẠ

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 331*

**Hán dịch: Thần Thích Hộ**  
**Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiến**  
**Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (02-2007)**  
**Biên tập : Thích Phước Nghiêm**





# Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tấn Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược  
Dịch Sun Apr 30 21:49:55 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô tùng lần 2.

=====

**經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 331 《佛說無畏授所問大乘經》CBETA 電子佛典 V1.8 普及版**

**【Kinh văn tu tẩn】** Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 331 《Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.8 phổ cập bản

**【Kinh văn tu tẩn】** Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 331 《Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.8 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 佛說無畏授所問大乘經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 331 Phật nói vô úy cho hỏi Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8, Normalized Version

=====

=====

=====

## 佛說無畏授所問大乘經卷下

Phật thuyết Vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển hạ

Phật Thuyết Vô Úy Thụ Sở Vấn Đại Thừa Kinh

Quyển Hạ

西天譯經三藏朝奉大夫試光祿卿傳法大師賜紫沙門臣施護等奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều phụng Đại phu Thí quang lộc khanh truyền

Pháp Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Thí Hộ đẳng phụng chiếu dịch

Tây thiên Dịch Kinh Tam Tạng Đại phu Triều Phụng Thí Quang Lộc Khanh Truyền

Pháp Đại Sư Tứ Tử Sa môn Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch.

### 譬如幻所成物像

Thí như huyễn sở thành vật tượng

Giống như chỗ huyễn thành vật tượng

### 愚人貪愛富亦然

Ngu nhân tham ái phú diệc nhiên

Người ngu tham ái giàu cũng thế

### 百種苦求於財富

Bách chủng khổ cầu ư tài phú

Tìm cầu trăm thứ ở giàu sang

### 王官水火散壞時

Vương quan thủy hỏa tán hoại thời

Vua quan, nước lửa khi tán hoại

### 妻子眷屬隨所愛

Thê tử quyến chúc tùy sở ái

### 如乾闥婆城莊嚴

như Càn thát bà thành trang nghiêm

Như thành Càn-thát-bà trang nghiêm.

### 不知是妄生耽著

bất tri thị vọng sanh đam trước

Không biết nó giả sanh đắm trước.

### 得已極苦逼於身

đắc dĩ cực khổ bức ư thân

Được rồi cực khổ dồn thân nặng.

### 智者豈生於愛著

trí giả khởi sanh ư ái trước

Người trí đâu sanh đắm ái này?

### 廣作諸罪當破壞

quảng tác chư tội đương phá hoại

Đắm theo vợ con cùng quyền thuộc  
極重過失不覺知  
Cực trọng quá thất bất giác tri  
Lỗi ấy nặng sâu không hiểu được  
慳吝者求財富時  
Xan lẫn giả cầu tài phú thời  
Người keo kiệt khi cầu giàu có  
妻子眷屬返憎嫌  
Thê tử quyền chúc phân tăng hiềm  
Ghét luôn vợ con và quyền thuộc  
慳者不知於恩義  
Xan giả bất tri ư ân nghĩa  
Người tham không biết gì ân nghĩa  
背正向邪諂求財  
Bối chánh hướng tà siểm cầu tài  
Bỏ chánh hướng tà nịnh cầu tài  
慳者意異語如實  
Xan giả ý dị ngữ như thật  
Người tham ý khác nói như thật  
見人雖將愛子同  
Kiến nhân tuy tương ái tử đồng  
Tuy thấy thương người giống như con  
慳吝之者在世間  
khan lẫn chi giả tại thế gian  
Người xan tham còn ở thế gian  
馳流散亂出惡言  
Trì lưu tán loạn xuất ác ngôn  
Rong ruổi tán loạn sanh tiếng xấu  
慳者處世無所託  
Xan giả xử thế vô sở thác  
Người tham xử thế không chỗ nhờ  
有所依附但求財  
Hữu sở y phụ đãn cầu tài  
Có chỗ nương nhờ để cầu tài  
慳者因求財富故  
Xan giả nhân cầu tài phú cố  
Người tham nhân cầu sự giàu có  
是故智者正所觀  
Thị cố trí giả chánh sở quán  
Vì vậy người trí quán chỗ chánh  
金寶珠貝珊瑚等  
Kim bảo châu báu san hô đẳng  
Vàng bạc châu báu san hô thảy  
於中貪愛諍競興  
Ư trung tham ái tránh cạnh hưng  
Tham ái trong đó tranh giành mạnh  
賢劫一佛出世時  
Hiền kiếp nhất Phật xuất thế thời  
Hiền Kiếp một Phật khi ra đời  
偏覆大地得黃金  
Thiên phúc Đại địa đắc hoàng kim  
Trùm khắp đại địa được vàng ròng  
於外隨逐五欲境  
Ư ngoại tùy trục ngũ dục cảnh  
Theo đuổi bên ngoài cảnh ngũ dục  
如日中分夏月時

Tạo nhiều tội lỗi, nên trừ bỏ.  
智者於身不生著  
trí giả ư thân bất sanh trước  
Người trí chẳng đắm trước vào thân.  
父母亦不生尊重  
phụ mẫu diệc bất sanh tôn trọng  
Cha mẹ cũng chẳng sanh tôn trọng.  
一向常貪於財利  
nhất hướng thường tham ư tài lợi  
Lâu nay thường tham ở tài lợi.  
唯念莫壞我所有  
duy niệm mạc hoại ngã sở hữu  
Chỉ nhớ đừng mất vật ta có.  
智者於彼不生信  
trí giả ư bỉ bất sanh tín  
Người trí đối kia chẳng sanh tín.  
所應信者不生信  
sở ứng tín giả bất sanh tín  
Chỗ nên tin ấy không sanh tín.  
此是慳者諂妄起  
thử thị khan giả siểm vọng khởi  
Chính là kẻ tham nịnh hót sanh.  
雖親典教亦通解  
tuy thân điển giáo diệc thông giải  
Tuy gần Kinh giáo cũng thông hiểu.  
心無悲愍極龜獮  
tâm vô bi mẫn cực thô quánh  
Tâm không thương xót rất thô lỗ.  
亦無知識及親朋  
diệc vô tri thức cập thân bằng  
Cũng chẳng hiểu biết và thân quen.  
智於慳者不生信  
trí ư khan giả bất sanh tín  
Trí ở người tham chẳng sanh tín.  
於極惡事起思念  
ư cực ác sự khởi tư niệm  
Vớ việc rất ác khởi suy nghĩ.  
愚人於彼生歡喜  
ngu nhân ư bỉ sanh hoan hi  
Người ngu ở kia sanh vui mừng.  
善業引生如聚沫  
thiện nghiệp dẫn sanh như tụ bọt  
Nghiệp thiện dẫn sanh như nước bọt.  
彼不了知幻化性  
bỉ bất liễu tri huyễn hóa tánh  
Kia chẳng rõ biết tánh huyễn hóa.  
彼尊立名為慈氏  
bỉ tôn lập danh vi từ thị  
Ngài có địa vị tên Từ thị.  
彼從何來何因故  
bỉ tông hà lai hà nhân cố  
Kia từ chỗ nào, nhân nào đến?  
愚人散亂癡迷法  
ngu nhân tán loạn si mê Pháp  
Người ngu tán loạn pháp si mê.  
渴欲奔馳焰為水

Như nhật trung phân hạ nguyệt thời  
Nhu phần giữa ngày khi tháng hạ  
空後一劫成世間  
Không hậu nhất kiếp thành thế gian  
Không một kiếp sau thành thế gian  
焚燒破壞復還成  
Phân thiêu phá hoại phục hoàn thành  
Đốt cháy phá hoại thành trở lại  
溝澗池沼及大海  
Câu giản trì chiếu cập Đại hải  
Ngòi rãnh ao đầm cùng biển lớn  
虛假不實貪亦然  
Hư giả bất thật tham diệc nhiên  
Hư giả chẳng thật tham cũng thế  
智者慧力色相具  
Trí giả tuệ lực sắc tướng cụ  
Người trí sức huệ sắc tướng đủ  
此中無味染何因  
Thử trung vô vị nhiễm hà nhân  
Trong đây không vị nhiễm nhân nào  
隨逐五欲造惡業  
Tuỳ trục ngũ dục tạo ác nghiệp  
Theo đuổi năm dục tạo nghiệp ác  
死時妻子及諸親  
Tử thời thê tử cập chư thân  
Khi chết vợ con và người thân  
死時眷屬不隨去  
Tử thời quyến chúc bất tùy khứ  
Khi chết bà con chẳng đi theo  
苦惱逼逐於己身  
Khổ não bức trục ư kỷ thân  
Khổ não theo đuổi với thân mình  
三有獨怖無親愛  
Tam hữu độc phở vô thân ái  
Ba cõi riêng sợ không thân ái  
愚人取以為樂因  
Ngu nhân thủ dĩ vi lạc nhân  
Người ngu chấp lấy làm nhân vui  
父母妻子親朋聚  
Phụ mẫu thê tử thân bằng tụ  
Cha mẹ vợ con bạn bè nhóm  
彼等不隨死者行  
Bỉ đẳng bất tùy tử giả hành  
Chẳng ai đuổi theo người đã chết  
一切皆隨業所行  
Nhất thiết giai tùy nghiệp sở hạnh  
Tất cả đều tùy nghiệp dẫn đi  
當知此身業所成  
Đương tri thử thân nghiệp sở thành  
Nên biết thân đây do nghiệp thành  
父母妻子眷屬等  
Phụ mẫu thê tử quyến thuộc đẳng  
Cha mẹ vợ con quyến thuộc thầy  
愚人廣造眾罪因  
Ngu nhân quảng tạo chúng tội nhân  
Người ngu làm nhiều các tội lỗi

khát dục bốn trì diệm vi thù  
Khát dục đuổi tìm ánh sáng nước.  
虛空所成空自性  
hư không sở thành không tự tánh  
Hư không chỗ thành tự tánh không.  
此從何來彼何去  
Thử tông hà lai bỉ hà khứ  
Từ đâu đến đây đi về đâu?  
枯涸破壞彼皆同  
khô hạc phá hoại bỉ giai đồng  
Khô cạn phá hoại kia đều đồng.  
誰諸智者生愛著  
Thùy chư trí giả sanh ái trước  
Các người trí nào sanh đắm trước.  
於身常自作稱量  
ư thân thường tự tác xưng lượng  
Với thân thường tự tác xưng lượng.  
舍宅財利應棄捨  
xả trạch tài lợi ứng khi xả  
Nhà cửa tài lợi nên xả bỏ.  
養育妻子并眷屬  
dưỡng dục thê tử tinh quyến chúc  
Nuôi dưỡng vợ con cùng quyến thuộc.  
誰能救護自當苦  
thùy năng cứu hộ tự đương khổ  
Ai hay cứu giúp mình đang khổ?  
但隨自作眾業行  
đãn tùy tự tác chúng nghiệp hành  
Chỉ tùy mình làm các hành nghiệp.  
彼時誰為我分受  
bỉ thời thùy vi ngã phân thọ  
Khi ấy ai đây chịu phần mình  
妻子眷屬假相親  
thê tử quyến chúc giả tướng thân  
Vợ con quyến thuộc giả thân gần.  
但增苦惱及憂戚  
đãn tăng khổ não cập ưu thích  
Chỉ thêm khổ não cùng lo buồn.  
為求財利故相會  
vì cầu tài lợi cố tướng hội  
Vì cầu tài lợi nên hội họp.  
唯自所作業相逐  
duy tự sở tác nghiệp tương trục  
Chỉ tự chỗ tạo nghiệp đuổi theo.  
一切亦隨業所住  
nhất thiết diệc tùy nghiệp sở trụ  
Tất cả đều tùy nghiệp ở lại.  
智者應修於善業  
trí giả ứng tu ư thiện nghiệp  
Người trí nên tu ở thiện nghiệp.  
以不了知故貪愛  
dĩ bất liễu tri cố tham ái  
Do không rõ biết nên tham ái.  
智者不入無間獄  
trí giả bất nhập vô gián ngục  
Người trí chẳng vào ngục Vô gián.

所有餘處業報盡

Sở hữu dư xứ nghiệp báo tận  
Sở hữu các chỗ hết nghiệp báo  
是故畏彼惡趣因

Thị cố úy bi ác thú nhân  
Vì vậy sợ nhân ác thú kia

閻摩王前治罰時

Diêm ma Vương tiền trì phạt thời  
Vua Diêm ma trước khi trị tội  
亦無父母及諸親  
Diệc vô phụ mẫu cập chư thân  
Cũng chẳng cha mẹ cùng người thân  
王言汝所得人身

Vương ngôn nhữ sở đắc nhân thân  
Vua nói người đã được thân người  
今受極苦捶打時

Kim thọ cực khổ chúy đá thời  
Nay khi thọ cực khổ đánh đập

自心所作不善已

Tự tâm sở tác bất thiện dĩ  
Tự tâm đã làm không thiện rồi  
如彼閻摩法王言

Như bi diêm ma Pháp Vương ngôn  
Như pháp vương Diêm ma kia nói  
自作業因自造罪

Tự tác nghiệp nhân tự tạo tội  
Tự tác nghiệp nhân tự tạo tội

當受極苦自甘心

Đương thọ cực khổ tự cam tâm  
Sẽ thọ cực khổ tự cam tâm

死時眾苦所逼迫

Tử thời chúng khổ sở bức bách  
Khi chết các khổ đều bức bách

汝欲自求解脫時

Nhữ dục tự cầu giải thoát thời  
Khi người muốn tự cầu giải thoát

打擊考掠及桎械

Đả kích khảo lược cập nữ giới  
Đánh đập tra khảo cùng xiềng xích

舍宅親友起怖心

Xá trạch thân hữu khởi phổ tâm  
Nhà cửa bà con khởi tâm sợ

舍宅猛火大苦根

xá trạch mãnh hỏa Đại khổ căn  
Nhà cửa lửa dữ gốc khổ lớn

智者於斯愛不生

Trí giả ư tu ái bất sanh  
Người trí ở đây ái chẳng sanh

住舍養親常憂戚

Trụ xá dưỡng thân thường ưu thích  
Ở nhà dưỡng thân chẳng lo lắng

自他過失等無差

Tự tha quá thất đẳng vô sai  
Lỗi lầm tự tha chẳng sai đôi

智者佛教生信樂

Trí giả Phật giáo sanh tín lạc

無間極苦不解脫 ans

vô gián cực khổ bất giải thoát  
Vô gián rất khổ chẳng giải thoát.  
智者勤劬離諸罪

trí giả tinh cần cù lý chu tội  
Người trí siêng năng lia các tội.  
彼無朋友為救護

bỉ vô bằng hữu vi cứu hộ  
Kia chẳng bạn bè vì cứu hộ.

隨自所作業當受

tùy tự sở tác nghiệp đương thọ  
Tùy theo nghiệp mình làm sẽ thọ.

得已何不離諸罪

đắc dĩ hà bất lý chu tội  
Được rồi sao không lia các tội?

皆由汝作不善業

giai do nhữ tác bất thiện nghiệp  
Đều do người làm nghiệp không thiện.

而復不信有業報

nhĩ phục bất tín hữu nghiệp báo  
Mà lại chẳng tin có nghiệp báo.

汝受治罰非我罪

nhữ thọ trì phạt phi ngã tội  
Ông chịu trị tội chẳng tội ta.

自造罪已汝來此

tự tạo tội dĩ nhữ lai thử  
Tự tạo tội rồi người đến đây.

由先所作非愛業

do tiên sở tác phi ái nghiệp  
Do chỗ làm trước chẳng ái nghiệp.

親屬不能令解脫

thân chúc bất năng linh giải thoát  
Bà con chẳng hay khiến giải thoát.

是故應離諸罪惡

thị cố ứng lý chu tội ác  
Vì vậy nên lia các tội ác.

此等若欲求遠離

thử đẳng nhược dục cầu viễn li  
Tất cả muốn cầu sống viễn li.

於佛教中修正行

ư Phật giáo trung tu chánh hành  
Ở trong Phật giáo tu chánh hạnh.

而此心火常熾然

nhĩ thử tâm hỏa thường sí nhiên  
Mà tâm nóng giận thường đốt cháy.

如大火聚極可怖

như Đại hỏa tụ cực khả phở  
Như đồng lửa lớn rất đáng sợ.

富樂憂愁亦復然

phú lạc ưu sầu diệc phục nhiên  
Giàu vui lo buồn cũng lại thế.

是故應離諸罪惡

thị cố ứng lý chu tội ác  
Vì vậy nên lia các tội ác.

不種自收勝樂根

Bất chủng tự thu thắng lạc căn

Người trí Phật dạy sanh tin vui  
愚者不生愛樂心  
Ngu giả bất sanh ái lạc tâm  
Người ngu chẳng sanh tâm yêu thích  
女身筋肉骨合集  
Nữ thân cân nhục cốt hợp tập  
Thân nữ gân thịt xương nhóm hợp  
諸無智者染愛生  
Chư vô trí giả nhiễm ái sanh  
Các người không trí sanh ái nhiễm  
智者了知諸欲樂  
Trí giả liễu tri chư dục lạc  
Người trí rõ biết các ham muốn  
正法藥治貪病除  
Chánh Pháp được trị tham bệnh trừ  
Chánh pháp thuốc trị trừ bệnh tham  
爾時無畏授等五百長者聞是正法已。

Nhĩ thời vô úy thụ đẳng ngũ bách Trưởng-Giả văn thị chánh Pháp dĩ.  
Lúc bấy giờ Vô Úy Thọ cùng năm trăm trưởng giả nghe Chánh pháp ấy rồi,  
悉得無生法忍。得法忍已。皆生最上踊躍歡喜。  
tất đắc vô sanh Pháp nhẫn. đắc Pháp nhẫn dĩ. giai sanh tối thượng dũng được  
hoan hỉ.  
đều được Vô Sanh Pháp Nhẫn, được Pháp nhẫn rồi, đều sanh vui mừng hơn hờ cùng  
tốt,  
即說頌曰。

Túc thuyết tụng viết.  
liền nói kệ rằng:  
快哉於今日  
Khoái tai ư kim nhật  
Vui thay ở ngày nay  
彼一切利中  
Bỉ nhất thiết lợi trung  
Trong tất cả lợi kia  
我等所發起  
Ngã đẳng sở phát khởi  
Chúng ta chỗ sanh khởi  
於佛正法中  
Ư Phật chánh Pháp trung  
Ở trong chánh pháp Phật  
所起勝愛樂  
sở khởi thắng ái lạc  
Chỗ sanh hơn yêu thích  
為一切有情  
Vị nhất thiết hữu tình  
Vì tất cả hữu tình  
我等從今日  
Ngã đẳng tùng kim nhật  
Chúng ta từ ngày nay  
誓於此深經  
Thệ ư thử thâm Kinh  
Nguyện ở thâm Kinh này  
由起愛樂故  
Do khởi ái lạc cố  
Do sanh yêu thích vậy  
於彼當來世  
Ư bỉ đương lai thế

Chẳng trông tự nhận được gốc vui.  
但貪舍宅諸苦本  
đần tham xá trạch chư khổ bản  
Chỉ tham nhà cửa, gốc khổ đau.  
假起妄貪為我妻  
giả khởi vọng tham vi ngã thê  
Giả khởi vọng tham làm vợ ta.  
不知女身都如幻  
bất tri nữ thân đô như huyễn  
Chẳng biết thân nữ đều như huyễn.  
及舍宅等皆生厭  
及舍宅等皆生厭  
cập xá trạch đẳng giai sanh yếm  
Cùng nhiều nhà cửa đều sanh chán.  
速疾出離諸纏縛  
tốc tật xuất ly chư triền phược  
Nhanh chóng xa lìa các ràng buộc.

我等得大利  
ngã đẳng đắc Đại lợi  
Chúng ta được lợi lớn.  
此利益最上  
此利益最上  
thử lợi ích tối thượng  
Lợi ích này trên hết.  
廣大菩提心  
quảng Đại bồ-đề tâm  
Tâm bồ-đề rộng lớn.  
清淨生渴仰  
thanh tịnh sanh khát ngưỡng  
Thanh tịnh sanh khát ngưỡng.  
無上菩提心  
vô thượng bồ-đề tâm  
Vô thượng tâm bồ-đề.  
廣施諸安樂  
quảng thí chư an lạc  
Rộng thí nhiều an vui.  
極甚其身命  
cực thậm kỳ thân mạng  
Rất hơn thân mạng kia.  
生最上愛樂  
sanh tối thượng ái lạc  
Sanh yêu thích trên hết.  
得一切有情  
đắc nhất thiết hữu tình  
Được tất cả hữu tình.  
見者生歡喜  
kiến giả sanh hoan hỉ

Ở đời đương lai kia  
彼一切有情  
Bi nhất thiết hữu tình  
Tất cả hữu tình kia  
皆發起無上  
Giai phát khởi vô thượng  
Đều phát khởi Vô thượng  
若一切有情  
Nhược nhất thiết hữu tình  
Hoặc tất cả hữu tình  
當得勝果報  
Đương đắc thắng quả báo  
Sẽ được quả báo tốt  
相好以莊嚴  
Tướng hảo dĩ trang nghiêm  
Tướng tốt dùng trang nghiêm  
及得大光明  
Cập đắc Đại quang-minh  
Và được ánh sáng lớn  
無上菩提心  
Vô thượng bồ-đề tâm  
Vô thượng tâm bồ-đề  
勝出一切心  
Thắng xuất nhất thiết tâm  
Hơn hẳn tất cả tâm  
彼一切功德  
Bi nhất thiết công đức  
Tất cả công đức kia  
復具大勝力  
Phục cụ Đại thắng lực  
Lại đủ thắng lực lớn  
諸勳福有情  
Chư tiên phúc hữu tình  
Nhiều ít phước hữu tình  
此心懈退因  
Thử tâm giải thối nhân  
Tâm này nhân thối lùi  
菩提神通智  
Bồ-đề Thần thông trí  
Bồ-đề trí thần thông  
廣積滿虛空  
Quảng tích mãn hư không  
Rộng chứa đầy hư không  
若人於河沙  
Nhược nhân ư hà sa  
Hoặc người ở sông cát  
滿以七珍財  
Mãn dĩ thất trân tài  
Đầy tài vật bảy báu  
若人但合掌  
Nhược nhân đãn hợp chưởng  
Hoặc người chỉ chấp tay  
此勝供養因  
Thử thắng cung dưỡng nhân  
Đây nhân thù thắng cúng  
此供養無等

Người thấy sanh vui mừng.  
諸欲發心者  
chư dục phát tâm giả  
Các dục phát tâm ấy.  
廣大菩提心  
quảng Đại bồ-đề tâm  
Bồ-đề tâm rộng lớn.  
愛樂菩提心  
ái lạc bồ-đề tâm  
Yêu mến tâm bồ-đề.  
最上金色身  
tối thượng kim sắc thân  
Thân sắc vàng trên hết.  
種種勝殊妙  
chủng chủng thắng thù diệu  
Các thứ thù diệu đẹp.  
世間廣照耀  
thế gian quảng chiếu diệu  
Chiếu soi khắp thế gian.  
此心廣大心  
thử tâm quảng Đại tâm  
Tâm này tâm rộng lớn.  
最上復清淨  
tối thượng phục thanh tịnh  
Lại thanh tịnh vô thượng.  
由此心具足  
do thử tâm cụ túc  
Do đây tâm đầy đủ.  
能脫一切病  
năng thoát nhất thiết bệnh  
Hay khỏi tất cả bệnh.  
不樂菩提心  
bất lạc bồ-đề tâm  
Không vui tâm bồ-đề.  
不能觀生死  
bất năng quán sanh tử  
Chẳng hay quán sanh tử.  
獲最勝福力  
hoạch tối thắng phúc lực  
Được phước đức tối thắng.  
普施諸情品  
phổ thí chư tình phẩm  
Khắp thí các tình phẩm.  
等數諸佛刹  
đẳng số chư Phật sát  
Bằng số các cõi Phật.  
供養正等覺  
cúng dường Chánh đẳng giác  
Cúng dường Chánh đẳng giác.  
歸向菩提心  
quy hướng bồ-đề tâm  
Trở về tâm bồ-đề.  
超過諸供養  
siêu quá chư cung dưỡng  
Hơn hẳn các cúng dường.  
所謂菩提心  
所謂菩提心

Thử cúng dường vô đẳng  
Cúng dường này chẳng bằng  
過此外無餘

Quá thử ngoại vô dư

Quá đây ngoài chẳng dư

菩提心功德

Bồ-đề tâm công đức

Bồ-đề tâm công đức

一切病能治

Nhất thiết bệnh năng trị

Hay trị tất cả bệnh

觀見諸有情

Quán kiến chư hữu tình

Xem thấy các hữu tình

無量劫拔除

Vô lượng kiếp bạt trừ

Vô lượng kiếp trừ bỏ

修此菩提行

Tu thử bồ-đề hành

Tu bồ-đề hạnh đây

救苦諸有情

Cứu khổ chư hữu tình

Cứu khổ các hữu tình

數數往諸趣

Sác sác vãng chư thú

Thường thường đến các thú

勤於佛法中

Tinh cần u Phật Pháp trung

Siêng ở trong pháp Phật

我等得大利

Ngã đẳng đắc Đại lợi

Chúng ta được lợi lớn

願我等當成

Nguyện ngã đẳng đương thành

Nguyện chúng con sẽ thành

爾時世尊從其面門出現廣大神通光明無數

nhĩ thời Thế tôn tòng kỳ diện môn xuất hiện quảng Đại Thần thông quang-minh vô số

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn hướng theo trên mặt mình xuất hiện thần thông rộng lớn ánh sáng vô số màu sắc,

種色。所謂青黃赤白及紫碧綠。

chủng sắc。sở vị thanh hoàng xích bạch cập tử bích lục。

đó là xanh vàng đỏ trắng cùng tía xanh lục,

是光普照無邊世界。上徹梵世。映蔽日月光明不現。

thị quang phổ chiếu vô biên thế giới。thượng triết phạm thế。ánh tể nhật nguyệt quang-minh bất hiện。

Ánh sáng ấy chiếu khắp vô biên thế giới, trên đến Phạm Thiên, che lấp ánh sáng mặt trời mặt trăng quang minh chẳng hiện。

其光旋環右繞世尊百千匝已。

Kỳ quang toàn hoàn hữu nhiểu Thế tôn bách thiên tạp dĩ。

Hào quang kia xoay vòng bên phải Thế Tôn trăm ngàn vòng rồi,

却從世尊頂門而入。爾時尊者阿難即從座起。

khước tòng Thế tôn đỉnh môn nhi nhập。nhĩ thời Tôn-Giả A Nan tức tòng tọa khởi。

từ khước đỉnh trán Thế Tôn mà thu vào。Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

sở vị bồ-đề tâm

Chỗ gọi tâm bồ-đề。

為最勝最上

vì tối thắng tối thượng

Là tối thượng tối thắng。

是勝妙良藥

thị thắng diệu lương dược

Là thuốc hay thắng diệu。

施有情安樂

thí hữu tình an lạc

Cho hữu tình an lạc。

三火常燒然

tam hỏa thường thiêu nhiên

Ba lửa thường đốt cháy。

菩薩不懈退

Bồ Tát bất giải thối

Bồ-tát không giải đãi。

為勇猛醫王

vì dũng mãnh y Vương

Là Y vương dũng mãnh。

常遠離疲懈

thường viễn li bì giải

Thường xa lìa mệt mỏi。

不捨菩提心

bất xả bồ-đề tâm

Chẳng xả tâm bồ-đề。

出現希有相

xuất hiện hi hữu tướng

Xuất hiện tướng hy hữu。

樂此菩提心

lạc thử bồ-đề tâm

Vui bồ-đề tâm này。

大覺釋師子

Đại giác thích Sư-tử

Đại giác Thích Sư tử。

偏袒一肩右膝著地。向佛合掌頂禮白言。世尊。

Thiên đàn nhất kiên hữu tất trước địa. hướng Phật hợp chưởng đỉnh lễ bạch ngôn. Thế tôn.

trịch vai áo bên phải quỳ gối sát đất, chấp tay hướng Phật đánh lễ thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn!

何因何緣現是光明。若無因緣。

Hà nhân hà duyên hiện thị quang-minh. nhược vô nhân duyên.

Nhân duyên gì hiện ánh sáng đó, hoặc không nhân duyên?

如來應供正等正覺不放光相。時尊者阿難即說頌曰。

Nhu-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác bất phóng quang tướng. thời Tôn-Già A Nan tức thuyết tụng viết.

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác không phóng quang tướng. Khi ấy Tôn giả A-nan liền nói tụng rằng:

佛上勝者若無因

Phật thượng thắng giả nhược vô nhân

Thắng diệu trên Phật nếu không nhân

願為悲愍劣有情

Nguyện vi bi mẫn liệt hữu tình

Nguyện vì thương xót chúng hữu tình

一切有情皆貧乏

Nhất thiết hữu tình giai bần phạp

Tất cả hữu tình đều nghèo thiếu

世間暗暝作照明

Thế gian ám minh tác chiếu minh

Thế gian tối tăm làm chiếu sáng

爾時世尊。告尊者阿難言。阿難。

Nhĩ thời Thế tôn. cáo Tôn-Già A Nan ngôn. A Nan.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: Này A-nan!

汝今見此五百長者不。

Nhữ kim kiến thử ngũ bách Trường-Già phủ.

Ông nay có thấy năm trăm Trường giả đây không?

悉為發阿耨多羅三藐三菩提心故。來詣我所。阿難白佛言。唯然已見。

Tất vi phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm cố. lai nghê ngã sở. A Nan bạch Phật ngôn. duy nhiên dĩ kiến ầy

Hết thấy đều vì phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề vậy, đi đến chỗ ta.

A-nan bạch đức Phật rằng: Dạ con đã thấy.

佛言阿難。是五百長者。

Phật ngôn A Nan. thị ngũ bách Trường-Già.

Phật bảo A-nan! Chính năm trăm Trường giả

今此會中聞正法已皆得無生法忍。阿難。此諸長者皆於過去佛所。

kim thử hội trung văn chánh pháp dĩ giai đắc vô sanh pháp nhẫn. A Nan. thử chu Trường-Già giai ư quá khứ Phật sở.

nay ở trong hội này nghe Chánh pháp rồi đều chúng Vô sanh pháp nhẫn. A-nan!

Các Trường giả đây đều ở chỗ Phật quá khứ,

奉近供養深種善根。從此沒已不復墮諸惡趣。

phụng cận cúng dường thâm chủng thiện căn. tòng thử một dĩ bất phục đọa chu ác thú.

thân cận cúng dường trồng sâu căn lành, từ đây về sau không đọa vào đường ác nữa,

生人天中受勝妙樂。

sanh nhân Thiên trung thọ thắng diệu lạc.

sanh trong trời người thọ vui thù thắng.

次第至彼慈氏如來應供正等正覺出現世時。

法爾不現光明相

Pháp nhi bất hiện quang-minh tướng

Pháp ấy chẳng hiện tướng ánh sáng.

說放光明何因故

thuyết phóng quang-minh hà nhân cố

Nói phóng quang minh nhân gì vậy?

佛應為施大聖財

Phật ứng vi thí Đại Thánh tài

Phật nên bố thí đại Thánh tài.

願說此光所因現

nguyện thuyết thử quang sở nhân hiện

Nguyện nói nhân hiện ánh sáng này.



Thứ đệ chí thị từ thị Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác xuất hiện thế thời.

Thứ tự đến Từ thị Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác kia khi xuất hiện ở đời,

生彼佛刹親近供養尊重承事。其後乃至賢劫諸佛彼彼出世時。

sinh bị Phật sát thân cận cung dưỡng tôn trọng thừa sự. kỳ hậu nãi chí hiền kiếp chư Phật bị bi xuất thế thời.

sinh cõi Phật kia thân cận cúng dưỡng tôn trọng thừa sự, sau đó cho đến chư Phật Hiền kiếp kia tất cả xuất thế,

於一一佛所親近供養。

ư nhất nhất Phật sở thân cận cúng dưỡng.

ở chỗ một đức Phật thân cận cúng dưỡng,

聽受正法讀誦記念廣為人說。最後過二十五劫。於種種佛刹。

thính thọ chánh Pháp đọc tụng kí niệm quảng vi nhân thuyết. tối hậu quá nhị thập ngũ kiếp. ư chung chung Phật sát.

nghe thọ Chánh pháp đọc tụng ghi nhớ rộng vì người nói, quá hai mươi lăm kiếp sau cùng ở mỗi mỗi cõi Phật,

皆當成就阿耨多羅三藐三菩提果。

giai đương thành tựu A nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề quả.

đều sẽ thành tựu quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

同名蓮華吉祥藏如來應供正等正覺。出現世間。

đồng danh liên hoa cát tường tạng Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác. xuất hiện thế gian.

đồng tên Liên hoa Cát tường tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh đẳng Chánh giác xuất hiện thế gian.

爾時尊者阿難前白佛言。今此廣大甚深正法。

Nhĩ thời Tôn-Giả A Nan tiền bạch Phật ngôn. kim thử quảng Đại thậm thâm chánh Pháp.

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan ở trước đức Phật bạch rằng: Nay Chánh pháp thâm sâu rộng lớn đây,

希有世尊希有善逝。此經何名。我等云何奉持。

hi hữu Thế tôn hi hữu thiện thế. thử Kinh hà danh. ngã đẳng vân hà phụng trì. hy hữu Thế Tôn, hy hữu Thiện Thế! Kinh này tên gì chúng con làm sao phụng trì?

佛言阿難。是經名為菩薩瑜伽師地法門。

Phật ngôn A Nan. thị Kinh danh vi Bồ Tát du dà sư địa Pháp môn.

Phật bảo A-nan! Kinh này tên là Bồ-tát Du-già-sư-địa Pháp Môn,

亦名無畏授所問。如是名字汝當受持。

diệc danh vô úy thụ sở vấn. như thị danh tự nữ đương thọ trì.

cũng gọi Vô Úy Thọ Sở Vấn, danh tự như thế ông sẽ thọ trì.

佛說此經已。尊者阿難等諸大聲聞。

Phật thuyết thử Kinh dĩ. Tôn-Giả A Nan đẳng chư Đại thanh văn.

Phật nói Kinh này rồi, Tôn giả A-nan, các vị đại Thanh văn,

及諸菩薩摩訶薩眾并五百長者。

cập chư Bồ Tát Ma-Ha tát chúng tinh ngũ bách Trưởng-Giả.

cùng các chúng Đại Bồ-tát và năm trăm Trưởng giả,

世間天人阿修羅等一切大眾。聞佛所說。

thế gian Thiên Nhơn A-tu-La đẳng nhất thiết Đại chúng. văn Phật sở thuyết.

thế gian trời, người, A-tu-la v.v.. tất cả đại chúng nghe Phật dạy rồi

皆大歡喜信受奉行。

giai đại hoan hỉ tín thọ phụng hành.

đều rất vui mừng tin thọ phụng hành.

佛說無畏授所問大乘經卷下

Phật thuyết vô úy thụ sở vấn Đại thừa Kinh quyển hạ

Phật Thuyết Vô Úy Thọ Sở Vấn Đại Thừa Kinh, quyển hạ.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>  
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược  
Dịch Sun Apr 30 21:49:59 2006  
Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====